TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 204/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 07/8/2020.
Về việc: "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Chánh

2. Bà Thiều Thị Phi Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Đặng Hoàng Oanh – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 809/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2020 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 205/2020/QĐXX-ST ngày 20 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn***:** Bà **Châu Thúy L**, sinh năm 1997;

Địa chỉ: 667A, tổ 14, khu 4, khu phố 1, phường A, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông **Phùng Sối D**, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Lô G, khu 3, ấp P, xã L, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;

(Bà L và ông D đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai của nguyên đơn trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bà Châu Thúy L trình bày: Năm 2015, bà và ông Phùng Sối D tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (theo Giấy chứng nhận kết hôn số

57/2015, Quyển I/2015 ngày 07/9/2015). Qúa trình chung sống, vợ chồng sống xảy ra nhiều mâu thuẫn nên cả hai đã sống ly thân từ năm 2016. Đến năm 2018, cha mẹ gia đình hai bên khuyên nhủ nên vợ chồng có quay lại chung sống với nhau, nhưng thời gian chung sống không được bao lâu thì lại xảy ra mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, không thể hòa giải được. Nguyên nhân, do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm trong cách nuôi dạy con cái, nhiều lần tranh cãi với nhau. Nay bà L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông D.

- Theo nội dung bản tự khai ngày 01/6/2020, ông Phùng Sối D trình bày: Ông và bà L chung sống với nhau từ năm 2015 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đúng theo như bà L đã trình bày. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn về vấn đề kinh tế và vợ chồng cãi vã nhau, đến tháng 11/2019 thì bà L về gia đình cha mẹ ruột sống đến nay, vợ chồng ly thân và không còn chung sống với nhau nữa. Nay bà L xin ly hôn, ông đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Bà L và ông D cùng xác định có 01 con chung Phùng Cẩm Th, sinh ngày 29/12/2015. Ly hôn, bà L có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi con và yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Ý kiến của ông D cũng đồng ý để bà L trực tiếp nuôi dưỡng con chung và đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) theo yêu cầu của bà L.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà L và ông D xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của các bên đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

+ Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu "Ly hôn" của bà Châu Thúy L, giải quyết cho bà L được ly hôn với ông Phùng Sối D.

Về con chung: Đề nghị giao con chung Phùng Cẩm Thúy, sinh ngày 29/12/2015 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; ông D cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho tới khi cháu Thúy trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí HNGĐ-ST: Bà Châu Thúy L phải chịu án phí ly hôn và ông Phùng Sối D phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà Châu Thúy L xin ly hôn với ông Phùng Sối D, địa chỉ cư trú tại: Lô G, khu 3, ấp P, xã L, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân TP. Biên Hòa có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với nguyên đơn bà Châu Thúy L và bị đơn ông Phùng Sối D đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông D tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 57/2015, Quyển I/2015 ngày 07/9/2015). Căn cứ Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, bà L nộp đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông D là do quá trình vợ chồng chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cách nuôi dạy con, thường xuyên cãi nhau, mặc dù được cha mẹ gia đình hai bên khuyên nhủ nhưng cũng không thể hòa giải hàn gắn được, nên vợ chồng đã sống ly thân. Nay bà L xác định tình cảm không còn với ông D, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn và yêu cầu này cũng được ông D đồng ý ly hôn. Xét đây là ý chí tự nguyện của hai bên nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã vận động, thuyết phục bà L suy nghĩ lại đối với yêu cầu ly hôn, tạo cơ hội để vợ chồng có thêm thời gian tìm cách khắc phục nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, còn ông D có đơn xin vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L và ông D đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L, giải quyết cho bà L được ly hôn với ông D để trả tự do cả hai.

[4] Về con chung: có 01 con chung Phùng Cẩm Th, sinh ngày 29/12/2015. Ly hôn, bà L xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng); ông D cũng đồng ý để bà L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con chung theo yêu cầu của L, nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Do vậy, chấp nhận giao con chung Phùng Cẩm Th cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; ông D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) kể từ

khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, có khả năng lao động.

Ông D không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Bà L trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo pháp luật quy định.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà L và ông D xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bà Châu Thúy L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Ông Phùng Sối D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; Điều 266, 271, 273; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84, 85 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu "Ly hôn" của bà Châu Thúy L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Châu Thúy L được ly hôn với ông Phùng Sối D.

2. Về con chung: Có 01 con chung Phùng Cẩm Th, sinh ngày 29/12/2015.

Giao con chung Phùng Cẩm Thúy cho bà Châu Thúy L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ông Phùng Sối D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) kể từ khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, có khả năng lao động.

Ông Phùng Sối D không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Bà Châu Thúy L trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo pháp luật quy định.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí HNGĐ-ST:

Bà Châu Thúy L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, theo biên lai thu số 0008547 ngày 26/02/2020.

Ông Phùng Sối D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Bà Châu Thúy L và ông Phùng Sối D được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Văn Hùng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND TP Biên Hòa (1);
- THADS TP Biên Hòa (1);
- UBND xã L, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (1);
- Đương sự (2);
- Lưu hồ sơ vụ án (1).

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**